

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 08/2018/HĐMBTS-ST

Ngày 09/11/2018.

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tân Thịnh.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Lý và bà Đinh Thị Thu Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Dũng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2018/TLST-HĐMBTS ngày 04 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXX- ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Đồng Nguyên đơn: Ông Trần Thành Y, sinh năm 1961;

Bà Lương Thị H (tức K), sinh năm 1969 do ông Trần Thành Y, sinh năm 1961 đại diện theo uỷ quyền. (có mặt)

Đầu trú quán: Thôn N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Đồng Bị đơn: Anh Hồ Văn T, sinh năm 1983; (vắng mặt)

Chị Nghĩa Thị C, sinh năm 1984 do anh Hồ Văn T đại diện theo uỷ quyền.

Đầu trú quán: Thôn A, xã B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Toà án nguyên đơn anh Trần Thành Y và chị Lương Thị H (tức K) do anh Trần Thành Y đại diện theo uỷ quyền trình bày: Vợ chồng anh có đăng ký kinh doanh về mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm tại thôn Nam, xã Đồng Việt, trong quá trình kinh doanh thì vợ chồng anh Hồ Văn T và chị Nghĩa Thị C ở thôn A, xã B có đến mua thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm từ khoảng năm 2011, anh, chị và anh T có thỏa thuận bằng miệng khi đến mua thức ăn gia súc, gia cầm, nếu số lượng ít thì anh T trả tiền ngay, nếu số lượng nhiều thì khi nào được bán gia súc, gia cầm thì thanh toán trả cho anh, chị. Trong quá trình mua bán, anh T lấy nhiều lần mỗi lần từ 5-10 bao thức ăn gia súc, gia cầm, thời gian cứ 7-10 ngày lấy một lần, tùy vào số lượng do vợ chồng anh T, chị Hồng chăn nuôi nhiều hay ít, kể từ khi mua

bán cho đến khi chót nợ giữa anh, chị và vợ chồng anh T không có tranh chấp về chất lượng, số lượng, chủng loại và giá cả thức ăn gia súc, gia cầm. Từ cuối năm 2012, anh T bắt đầu nợ đọng nhưng không nhiều và cứ như vậy, cứ nợ dần, tuy nhiên anh, chị vẫn bán cho anh T. Anh, chị không nhớ cụ thể nhưng vào cuối năm 2013 đầu năm 2014 vợ chồng anh T bán hết gia súc, gia cầm không chăn nuôi nữa lấy tiền làm nhà không trả nợ cho anh, chị. Anh, chị đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh T không trả, nên vào ngày 12/4/2014 anh đã đến nhà anh T để hai bên đối chiếu sổ sách và chót nợ không thể hiện bằng văn bản nhưng có thể hiện trong giấy nhận nợ do anh T viết và ký ngày 22/8/2014. Sau khi chót nợ anh, chị cũng đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh T cũng không trả. Đến ngày 05/7/2014 anh lên nhà anh T đòi tiền nhưng không gặp được anh T mà gặp chị Hồng là vợ anh T nên anh đã yêu cầu chị Hồng ký biên bản xác nhận nợ số tiền mà anh T và chị Hồng đã mua thức ăn chăn nuôi gia súc của anh, chị với số tiền đã chót nợ là 99.100.000đ, trong giấy xác nhận nợ này có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả là ngày 15/8/2014, khi đến hạn trả vợ chồng anh T không trả, nên ngày 22/8/2014 anh đến nhà vợ chồng anh T thì gặp anh T, anh T không có tiền trả nên anh đã yêu cầu anh T viết, ký giấy nhận nợ cùng với số tiền mà chị C (vợ anh T) đã xác nhận nợ ngày 05/7/2014, tại giấy nhận nợ này anh T hẹn đến ngày 20/12/2014 trả anh, chị cả gốc và lãi 01%/tháng, nhưng đến hạn vợ chồng anh T cũng không trả. Do anh, chị đã đòi rất nhiều lần nên đến ngày 29/9/2015 (âm lịch) vợ chồng anh T đã trả cho anh, chị được 14.100.000đồng, đồng thời tự tay viết giấy hẹn nợ cùng ngày là còn nợ anh, chị 85.000.000đ và hẹn đến ngày 20/12/2015 trả cho anh, chị ít nhất là 50 triệu, nhưng anh T không trả như đã hẹn, từ đó đến nay anh T, chị Hồng không trả cho anh, chị thêm lần nào nữa mặc dù anh, chị đòi thường xuyên.

Nay anh, chị đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh T, chị C cùng phải có trách nhiệm trả cho gia đình anh, chị số tiền 85.000.000đ (*tám mươi lăm triệu đồng*) theo giấy hẹn viết ngày 29/9/2015 (âm lịch).

Tại đơn khởi kiện anh, chị có yêu cầu anh T, chị C phải trả lãi theo quy định của pháp luật, nhưng nay anh, chị không yêu cầu trả lãi, việc rút yêu cầu trả lãi là do anh, chị hoàn toàn tự nguyện.

Về lãi xuất do chậm thi hành án đề nghị Tòa án giải quyết theo luật.

Tại bản tự khai và các lời khai tại Tòa án anh Hồ Văn T và chị Nghĩa Thị C do anh Hồ Văn T đại diện theo ủy quyền trình bày: Khoảng trước năm 2014 vợ chồng anh, chị chăn nuôi lợn, gà. Khi chăn nuôi anh, chị có mua thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm của anh Y, chị H, khi mua thức ăn chăn nuôi hai bên không thỏa thuận thời gian trả tiền, khi mua thức ăn chăn nuôi hai bên không có ý kiến gì về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả, nếu có tiền thì trả ngay, không có tiền thì nợ lại, tổng số tiền thức ăn chăn nuôi khi chót nợ tháng 4/2014 còn nợ lại là 99.100.000 đồng, sau khi chót nợ thì anh, chị đã trả nhiều lần nhưng anh, chị không nhớ cụ thể, tính đến ngày 29/9/2015 (âm lịch) hai bên chót nợ thì vợ chồng anh, chị còn nợ vợ chồng anh Y là 85.000.000đồng, nhưng thực tế anh, chị chỉ còn nợ vợ chồng anh Y là 64.100.000đồng, lý do anh ký xác nhận nợ số tiền 85.000.000đồng vì để anh Y không

đòi nữa, số tiền 85.000.000đồng là anh Y tính cả tiền lãi hàng năm cộng dồn vào. Nay vợ chồng anh Y kiện đòi anh, chị trả 85.000.000đ và tiền lãi, anh, chị không nhất trí mà chỉ đồng ý trả 64.100.000đ và không đồng ý trả lãi.

Nay do anh, chị khó khăn không có để trả ngay và đề nghị vợ chồng anh Y cho thêm thời gian để thu xếp trả dần.

Ngoài ra anh T, chị C không trình bày gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa nhận xét:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định tại khoản 3 Điều 26, 35, 96, 97, 98, 99, khoản 6 Điều 48 và khoản 4 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc công khai trực tiếp bằng lời nói theo Điều 51, 225 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 429, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điều 147, khoản 1 điều 184, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bị đơn phải trả nguyên đơn 85.000.000đồng.

Án phí: Vụ kiện xảy ra là do lỗi của bị đơn, do vậy bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 05/10/2018 Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giao trực tiếp cho vợ chồng anh T. Ngày 25/10/2018 Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhưng phía vợ chồng anh T vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, và giao trực tiếp Quyết định hoãn phiên tòa cho vợ chồng anh T nhưng vợ chồng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử theo trình tự thủ tục chung.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Đơn khởi kiện của anh Trần Thành Y và chị Lương Thị H (gọi tắt là vợ chồng anh Y) yêu cầu anh Hồ Văn T và chị Nghĩa Thị C (gọi tắt là vợ chồng anh T) phải trả số tiền còn nợ là 85.000.000đồng, cả hai đều cư trú tại

huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3] *Về quan hệ pháp luật và thời hiệu khởi kiện:* Vợ chồng anh Y kinh doanh mua bán thức ăn gia súc, gia cầm rồi bán cho người có nhu cầu sử dụng. Từ khoảng năm 2011, giữa vợ chồng anh Y và vợ chồng anh T có xác lập 01 Hợp đồng dân sự bằng lời nói, theo đó: Vợ chồng anh Y bán cho vợ chồng anh T thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm; Vợ chồng anh T đến lấy hàng và vợ chồng anh Y giao hàng, khi giao, hai bên không có ý kiến gì về số lượng, chất lượng, chủng loại và giá thành, nêu số lượng ít thì trả tiền ngay, nếu thiếu hoặc lấy số lượng nhiều thì nợ lại. Ngày 12/4/2014, hai bên chốt nợ (thể hiện trong giấy nhận nợ ngày 22/8/2014), đồng thời thể hiện tại biên bản xác nhận nợ ngày 05/7/2014 do chị H ký và giấy nhận nợ ngày 22/8/2014 do anh T ký và là một khoản nợ 99.100.000đ. Sau khi chốt nợ, vợ chồng anh T trả nhiều lần, cho đến ngày 29/9/2015 âm lịch (tức ngày 10/11/2015 dương lịch) hai bên chốt nợ lần cuối cùng, theo đó vợ chồng anh T còn nợ vợ chồng anh Y 85.000.000đồng.

Trong vụ án này thể hiện vợ chồng anh Y bán hàng còn vợ chồng anh T trả tiền hàng. Như vậy Hợp đồng dân sự giữa vợ chồng anh Y và vợ chồng anh T là Hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự 2015.

Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có yêu cầu biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Trong giấy hẹn nợ ngày 29/9/2015 âm lịch (tức ngày 10/11/2015 dương lịch), anh T có hẹn đến ngày 20/12/2015 trả thấp nhất là 50.000.000đồng. Vì thế, thời điểm để tính thời hiệu khởi kiện trong vụ án này là ngày 20/12/2015. Do vậy vợ chồng anh Y khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng vào ngày 04/5/2018 là trong thời hiệu nên việc thụ lý vụ án của Tòa án là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] *Về nội dung:* Từ năm 2011, giữa vợ chồng anh Y và vợ chồng anh T có xác lập 01 Hợp đồng mua bán tài sản bằng lời nói, theo đó: Vợ chồng anh Y bán cho vợ chồng anh T thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm trị giá khi chốt nợ lần đầu ngày 12/4/2014 là 99.100.000đồng, vợ chồng anh T nhận hàng và trả tiền cho vợ chồng anh Y.

Căn cứ vào lời khai của vợ chồng anh Y và vợ chồng anh T thì các bên đều thừa nhận: Sau khi giao, nhận hàng thì hai bên không có tranh chấp gì số lượng, chất lượng, chủng loại và giá thành và vợ chồng anh T đã thanh toán trả vợ chồng anh Y nhiều lần, tính đến thời điểm chốt nợ lần đầu ngày 12/4/2014 vợ chồng anh T còn nợ vợ chồng anh Y với tổng số tiền là 99.100.000đồng, đã trả 14.100.000đồng còn nợ lại 85.000.000đồng. Vì vậy, có căn cứ xác nhận số tiền hàng chưa thanh toán là 85.000.000đồng.

Đến thời điểm khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, giữa vợ chồng anh Y và vợ chồng anh T không có tranh chấp về Hợp đồng mua bán tài sản, số lượng, chất lượng, chủng loại, giá thành của hàng hóa (tài sản) mà chỉ tranh chấp về

việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền còn lại là 85.000.000đồng (vợ chồng anh Y yêu cầu vợ chồng anh T trả nợ).

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về việc giao kết hợp đồng cũng như phần hợp đồng đã thực hiện xong mà chỉ xem xét về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 85.000.000đồng của vợ chồng anh T đối với vợ chồng anh Y.

Phía vợ chồng anh T cho rằng chỉ còn nợ vợ chồng anh Y số tiền 64.100.000đồng không phải còn nợ số tiền 85.000.000đồng mà vợ chồng anh đã ký giấy hẹn nợ ngày 29/9/2015 âm lịch (tức ngày 10/11/2015 dương lịch) nên không đồng ý trả 85.000.000đồng mà chỉ đồng ý trả 64.100.000đồng. Tòa án đã ra quyết định yêu cầu vợ chồng anh T giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc vợ chồng anh chỉ còn nợ vợ chồng anh Y số tiền 64.100.000đồng. Tuy nhiên, vợ chồng anh T không có chứng cứ để chứng minh việc vợ chồng anh còn nợ vợ chồng anh Y số tiền 64.100.000đồng. Vì vậy, lời khai này của vợ chồng anh T là không có căn cứ nên không được chấp nhận, do vậy vợ chồng anh Y yêu cầu vợ chồng anh T thực hiện nghĩa vụ trả anh số tiền còn nợ là có căn cứ.

[5] *Xét yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh Y thì thấy:*

- Có việc vợ chồng anh Y bán và giao thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm trị giá chốt lần cuối cùng ngày 29/9/2015 âm lịch (tức ngày 10/11/2015 dương lịch) là 85.000.000đồng.

- Vợ chồng anh T thừa nhận còn nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm của vợ chồng anh Y với số tiền là 64.100.000đồng, không thừa nhận còn nợ 85.000.000đồng.

- Vợ chồng anh T không có chứng cứ chứng minh đã trả vợ chồng anh Y 20.900.000đồng.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Thành Y và chị Lương Thị H (tức K) do anh Yên đại diện đối với bị đơn anh Hồ Văn T và chị Nghĩa Thị C do anh T đại diện. Buộc anh Hồ Văn T và chị Nghĩa Thị C do anh T đại diện phải trả cho anh Trần Thành Y và chị Lương Thị H (tức K) do anh Y đại diện số tiền 85.000.000đ (*Tám mươi lăm triệu đồng chẵn*).

Anh Trần Thành Y và chị Lương Thị H (tức K) do anh Y đại diện không yêu cầu đòi tiền lãi, việc rút yêu cầu là do nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện, do vậy Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[6] *Về án phí:* Vụ kiện xảy ra là hoàn toàn do lỗi của bị đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 429, Điều 430, Điều 440 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điều 147, khoản 1 điều 184, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

2. Buộc anh Hồ Văn T và chị Nghĩa Thị C do anh T đại diện phải trả cho anh Trần Thành Y và chị Lương Thị H (tức K) do anh Y đại diện số tiền 85.000.000đ (*Tám mươi lăm triệu đồng chẵn*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả thì hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a, 7^b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Anh Hồ Văn T và chị Nghĩa Thị C do anh T đại diện phải chịu 4.250.000đ đồng án phí DSST. Anh Trần Thành Y và chị Lương Thị H (tức K) do anh Y đại diện không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả anh Trần Thành Y và chị Lương Thị H (tức K) do anh Y đại diện số tiền 3.145.000đ đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: AA/2017/0001664 ngày 04/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, Bắc Giang.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THA DS huyện Yên Dũng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP;

**T /M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Tân Thịnh

